

BẢO TỒN, PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA CỦA NGƯỜI CƠ TU TRONG XÂY DỰNG BẢN/LÀNG VÀ NHÀ Ở (TRƯỜNG HỢP THÔN AGRÔNG, XÃ ATIÊNG, HUYỆN TÂY GIANG, TỈNH QUẢNG NAM)

Phạm Văn Lợi

Viện Việt Nam học và Khoa học
phát triển
Email: ploivme@gmail.com

Ngày nhận bài: 25/8/2019
Ngày phản biện: 30/8/2019
Ngày tác giả sửa: 10/9/2019
Ngày duyệt đăng: 25/9/2019
Ngày phát hành: 30/9/2019

DOI:
<https://doi.org/10.25073/0866-773X/336>

Ngày nay, khi xu hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa, đô thị hóa và hội nhập ngày càng sâu rộng, nguy cơ các yếu tố văn hóa truyền thống bị biến đổi, mất dần giá trị đã, đang hiện hữu ở nhiều cộng đồng cư dân, dân tộc. Điều này không chỉ thấy ở các cộng đồng cư dân, dân tộc cư trú ven các thành phố lớn, các trung tâm thương mại, công nghiệp lớn ở đồng bằng, mà còn ở các cộng đồng cư dân, dân tộc sống cạnh các thị trấn, trung tâm dân cư, hành chính cấp huyện..., ở khu vực biên giới, vùng sâu, vùng xa. Bài viết tập trung làm rõ một số vấn đề đặt ra trong quá trình biến đổi văn hóa của cộng đồng người Cơ tu ở thôn Agrông, xã Atiêng, huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam, trong xây dựng làng/bản và nhà ở, dưới tác động của quá trình hình thành và phát triển trung tâm hành chính huyện, từ năm 2005 đến nay (2019), đồng thời, đề xuất một số giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của họ trong tương lai.

Từ khoá: Bảo tồn; Phát huy; Giá trị văn hóa; Dân tộc Cơ tu; Bản/làng; Nhà ở.

1. Đặt vấn đề

Trong thời đại ngày nay, khi xu hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa, đô thị hóa và hội nhập (khu vực, quốc gia, quốc tế) ngày càng sâu rộng, không chỉ các cộng đồng cư dân, dân tộc cư trú ở ven các thành phố lớn (từ cấp đặc biệt đến cấp 3), cạnh các trung tâm thương mại, công nghiệp lớn ở đồng bằng... (chủ yếu là người Việt/Kinh và một số dân tộc có dân số lớn) có nguy cơ bị biến đổi văn hoá, mà ngay cả các cộng đồng cư dân, dân tộc có dân số ít và rất ít người, cư trú cạnh các thị trấn, trung tâm dân cư, hành chính cấp huyện ở khu vực biên giới, vùng sâu, vùng xa cũng chịu nhiều tác động. Văn hóa/các thành tố văn hóa truyền thống của họ đã, đang và sẽ bị biến đổi, mai một, mất dần vai trò, giá trị vốn có. Thậm chí, các cộng đồng dân cư, dân tộc ở các thị trấn, trung tâm dân cư, hành chính cấp huyện thuộc khu vực biên giới, vùng sâu, vùng xa còn có xu hướng chịu tác động nhiều hơn, mạnh hơn, nhanh hơn do đó là các cộng đồng cư dân, dân tộc có dân số ít, trình độ phát triển kinh tế - xã hội chưa cao và khả năng chống chọi/phản ứng với các ảnh hưởng từ bên ngoài yếu hơn so với cộng đồng cư dân, dân tộc có dân số đông, cư trú ở ven các thành phố lớn, các trung tâm thương mại, công nghiệp lớn ở đồng bằng. Vì vậy, tình trạng biến đổi văn hóa của các cộng đồng cư dân, dân tộc cư trú

gần các thị trấn, trung tâm dân cư, hành chính cấp huyện ở khu vực biên giới, vùng sâu, vùng xa rất cần được nghiên cứu, tìm hiểu thực trạng, xu hướng biến đổi và đề xuất giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy vai trò của các thành tố văn hóa truyền thống tốt đẹp trong thời điểm hiện tại và tương lai.

Dựa trên tư liệu thu thập được từ những chuyến điền dã dân tộc học tại địa bàn các năm 2011, 2012, 2019 và tư liệu thu thập từ các công trình nghiên cứu đã được công bố, bài viết tập trung làm rõ một số vấn đề đặt ra với văn hóa truyền thống của cộng đồng người Cơ tu ở thôn Agrông, xã Atiêng, huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam, trong việc xây dựng làng/bản và nhà ở, dưới tác động của quá trình hình thành và phát triển trung tâm hành chính huyện, từ năm 2005 đến 2019 và đề xuất một số giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của chính họ, trong các lĩnh vực trên.

2. Tổng quan nghiên cứu

Các nghiên cứu về tác động của công nghiệp hóa - hiện đại hóa, đô thị hóa và hội nhập tới văn hóa của các cộng đồng cư dân, dân tộc được tiến hành từ khá lâu trên thế giới, đặc biệt ở các nước phát triển như Mỹ, Anh, Đức..., nhưng mới xuất hiện ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay, khi Đảng và Nhà nước Việt Nam lựa chọn con đường đổi mới và

hội nhập. Tuy nhiên, cho đến nay cũng đã có khá nhiều công trình nghiên cứu về tác động của đô thị hóa (trong đó có cả vấn đề công nghiệp hóa - hiện đại hóa và hội nhập) tới các cộng đồng cư dân ven đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng... (Quyên, 2015; Tuấn, 2017); đã có nhiều công trình nghiên cứu về tác động của việc di dân, tái định cư tới các cộng đồng cư dân do xây dựng các nhà máy thủy điện (Lợi, 2014b)...

Với dân tộc Cơ tu, từ năm 1954 đến nay, nhận được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước, tiêu biểu là các công trình “*Ka tu – Kể sống đầu ngọn nước*” (Thông, 2004), “*Góp phần tìm hiểu văn hóa Cơ tu*” (bản tiếng Việt) (Hùng, 2006) và “*A contribution to Katu ethnography*” (bản tiếng Anh) (Hùng, 2007); 2 công trình nghiên cứu của 2 cha con nhà Dân tộc học/ Nhân học Thụy Điển, cuốn: “*In the sacred forest landscape, livelihood and spirit beliefs among the Katu of Vietnam*” của Nikor Arhem (con) (Arhem & Nikor, 2009) và “*The Katu village an interpretive ethnography of the Avuong Katu in central Vietnam*” của Kaj Arhem (cha) (Arhem & Nikor, 2009). Các công trình nghiên cứu này chủ yếu đều đề cập các sắc thái văn hóa truyền thống, từ văn hóa vật chất đến văn hóa tinh thần và văn hóa xã hội của người Cơ tu. Gần đây nhất, có 2 luận án Tiến sĩ đề cập đến mối quan hệ giữa văn hóa truyền thống với môi trường sống của người Cơ tu trong thời điểm hiện nay, đó là luận án “*Krung điêng của người Cơ tu ở tỉnh Thừa Thiên – Huế*” (Hoàng, 2017) và luận án “*Luật tục của người Cơ tu về sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên ở huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam*” (Hoàn, 2019). Chỉ duy nhất luận án của Trần Thị Mai An (2013) có một chương đề cập đến biến đổi của tổ chức xã hội truyền thống (của người Cơ tu) từ sau năm 1975 đến nay. Tuy nhiên, tất cả các công trình nghiên cứu đó đều không lấy làng/bản Agrồng làm đối tượng nghiên cứu chủ yếu. Cho đến thời điểm hiện nay, chỉ có tác giả bài viết này công bố một nghiên cứu đề cập đến biến đổi văn hóa-xã hội của người Cơ tu làng Agrồng dưới tác động của sự hình thành và phát triển khu trung tâm hành chính huyện (Lợi, 2014a). Vì vậy, đây là vấn đề mới, cần tiếp tục được nghiên cứu trong thời gian tới.

3. Phương pháp nghiên cứu

Để hoàn thành bài viết này, tác giả sử dụng chủ yếu nguồn tư liệu thực tế tại thực địa, được thu thập bằng phương pháp điền dã dân tộc học, với các kỹ thuật cơ bản là quan sát (tham dự, không tham dự), phỏng vấn (phỏng vấn sâu, phỏng vấn hồi cố) và thảo luận nhóm. Trong 2 năm 2011 (tháng 3&4, 15 ngày) và 2012 (tháng 8, 7 ngày), tác giả đã tiến hành 2 chuyến nghiên cứu thực địa tại thôn Agrồng, xã A tiêng, huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam. Gần đây nhất, tháng 6/2019, nhằm thu thập và kiểm tra lại một số thông tin, tư liệu được sử dụng trong bài

viết, tác giả đã quay lại Agrồng tìm hiểu, nghiên cứu bổ sung trong 3 ngày. Tất cả các chuyến điền dã thực tế đó đã tạo điều kiện cho tác giả quan sát cuộc sống, sinh hoạt của hầu hết các gia đình cư dân trong làng; kết hợp với việc phỏng vấn sâu hầu hết các gia đình cư dân trong làng, mỗi gia đình ít nhất một người, một lần. Có lẽ người cung cấp nhiều tư liệu nhất là ông Blup Ngôn, trước (những năm 2011-2012) là Bí thư Chi bộ thôn Agrồng, hiện nay (2019) là Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc xã A tiêng.

Bên cạnh nguồn tư liệu thực tế, để hoàn thành bài viết, tác giả cũng đã thu thập, phân tích, tổng hợp và sử dụng nhiều tư liệu từ các công trình nghiên cứu của các nhà khoa học đi trước; từ các báo cáo, thống kê của Trường thôn, Bí thư Chi bộ thôn, Ủy ban Nhân dân xã A tiêng, Ủy ban Nhân dân huyện Tây Giang...

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Quá trình hình thành, phát triển trung tâm hành chính huyện

Tây Giang, Đông Giang và Nam Giang là 3 huyện của tỉnh Quảng Nam, nằm ở khu vực miền núi phía Tây thành phố Đà Nẵng, giáp với Lào. Trước kia, đây là 3 huyện thuộc tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng. Cuối năm 1974, huyện Tây Giang sáp nhập với huyện Đông Giang thành huyện Hiên. Ngày 20/6/2003, Chính phủ Việt Nam đã có Nghị định số 72/2003/NĐ-CP tách huyện Hiên thành 2 huyện Đông Giang và Tây Giang. Theo đó, khi chia tách huyện Đông Giang có 81.120ha diện tích tự nhiên và 20.798 nhân khẩu, với 11 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm 10 xã và một thị trấn; huyện Tây Giang có 90.120ha diện tích tự nhiên và 13.405 nhân khẩu, với 10 đơn vị hành chính trực thuộc, đều là các đơn vị hành chính cấp xã: Ch'Om, A Xan, Tr'Hy, Lãng, A Tiêng, Bha Lê, Ga Ri, A Nông, Dang, A Vương.

Về địa giới hành chính, huyện Tây Giang phía Đông giáp huyện Đông Giang; phía Tây giáp Lào; phía Nam giáp huyện Nam Giang; phía Bắc giáp tỉnh Thừa Thiên - Huế¹. Ngay sau khi chia tách, do chưa xây dựng được điểm trung tâm hành chính huyện nên các cơ quan hành chính của huyện Tây Giang phải đóng tạm ở xã Lãng, cách điểm trung tâm hành chính huyện hiện tại khoảng 5km trên đường nối từ quốc lộ 14A ra cửa khẩu phụ Ch'Om. Ngày 05/09/2005, các cơ quan Đảng, Chính quyền, Mặt trận và đoàn thể của huyện chính thức chuyển về địa điểm hiện nay, khu đất thuộc địa bản thôn Agrồng, xã A tiêng, Trung tâm hành chính của huyện Tây Giang bắt đầu hình thành và những tác động của quá trình hình thành và phát triển của điểm trung tâm hành chính huyện tới các thôn, xã

¹. Nghị định số 72/2003/NĐ-CP, ngày 20 tháng 6 năm 2003 về việc chia tách huyện Hiên thành các huyện Đông Giang và Tây Giang, huyện Trà My thành các huyện Bắc Trà My và Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam.

trong khu vực cũng bắt đầu từ thời điểm này.

Theo Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Huyện ủy huyện Tây Giang, năm 2013, nhân kỷ niệm 10 năm ngày tái lập huyện, thị trấn trung tâm của huyện sẽ chính thức được thành lập. Tuy nhiên, do nhiều lý do, đến thời điểm hiện nay (tháng 8/2019) thị trấn Tây Giang vẫn chưa được thành lập. Nhưng trung tâm hành chính huyện Tây Giang vẫn đang ngày một phát triển, lớn mạnh trên đất thôn Agrông, xã Atiêng từ năm 2005 đến nay; đã và đang có những tác động trực tiếp và gián tiếp tới cư dân các làng/bản của người Cơ tu ở khu vực xung quanh, tạo nên những biến đổi mạnh mẽ và nhanh chóng trên nhiều mặt, từ kinh tế tới văn hóa, xã hội và môi trường. Trong đó, nơi chịu nhiều tác động nhất của quá trình này chính là thôn/bản Agrông, cộng đồng cư dân người Cơ tu đã nhường phần lớn diện tích đất của họ cho việc xây dựng và phát triển điểm trung tâm hành chính huyện; đã phải thu hẹp địa bàn cư trú và di chuyển địa điểm cư trú về vị trí hiện nay.

Ông Bling Mía, người Cơ tu, Chủ tịch UBND huyện Tây Giang cho biết, khi chưa chia tách huyện, khu vực thuộc huyện Tây Giang bấy giờ nổi tiếng vì “5 không”: Không đường, không điện, không trụ sở, không nước sinh hoạt và không điện thoại. Khi đó cán bộ xã Tr’hy lên huyện họp (tại thị trấn Prao, thị trấn – trung tâm hành chính huyện Đông Giang bấy giờ) phải đi trước 2 ngày; mang theo cơm nắm, muối, thức ăn. Khi các đơn vị hành chính huyện đóng trên địa bàn xã Lăng, ô tô chỉ có thể đến được xã vào mùa khô. Hiện nay, tình trạng “5 không” đã được loại bỏ hoàn toàn: Con đường trải nhựa nối từ đường 14A đến trung tâm hành chính huyện đã được hoàn thành; năm 2011 con đường trải nhựa lên xã A Xan (điểm xa nhất trong huyện về phía Tây) cũng đã hoàn thành; 60% hộ gia đình trong huyện đã được sử dụng điện lưới quốc gia; 5/10 xã có điện; 10/10 xã có đường ô tô vào đến UBND xã cả năm; 56/70 thôn có đường ô tô vào, với gần 30% đường đã được bê tông hóa... Khu trung tâm hành chính huyện đã được xây dựng và mở rộng ra trên 300ha, với trụ sở làm việc khang trang rộng rãi dành cho các cơ quan, ban ngành, từ UBND, HĐND, Huyện ủy, Tòa án, Viện kiểm soát, Mặt trận, bưu điện, bệnh viện, bến xe, chợ... Đây cũng là địa bàn đứng chân của nhiều công ty, bao gồm cả các công ty tư nhân và các công ty của huyện và tỉnh, hoạt động trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường...; cũng là nơi hình thành các đường phố, dãy nhà, nơi ở của cán bộ, công nhân viên làm việc trong các đơn vị đó. Không chỉ vậy, ở đây đã xuất hiện một số khách sạn, nhà nghỉ, quán ăn, quán cà phê, hiệu cắt tóc, gội đầu,... phục vụ nhu cầu của cư dân và khách thập phương. Trên địa bàn khu trung tâm hành chính huyện, bao gồm cả thôn Agrông, đã có dịch vụ internet phục vụ các nhu cầu giao tiếp, kết nối và thương thức văn hóa, văn nghệ của cư dân.

4.2. Một số vấn đề liên quan đến xây dựng làng/bản

Như đã đề cập, khu cư trú tập trung của cư dân làng/bản Agrông trước đây ở khu đất hiện giờ là bệnh viện huyện. Sau đó, khi xây dựng con đường từ Azút lên xã Lăng, chạy qua điểm cư trú của làng, các gia đình người Cơ tu trong làng được vận động dỡ nhà mang ra dựng ở 2 bên đường. Vào khoảng năm 2004-2005, sau khi ủi đất tạo mặt bằng xây dựng khu trung tâm huyện, toàn bộ cư dân làng Agrông đã được chia đất làm nhà tập trung trong khu đất cạnh trung tâm huyện, ngay bên khu đất xây dựng UBND, HĐND huyện và nhiều cơ quan chính quyền khác. Với cách sắp xếp, bố trí của lãnh đạo địa phương, các gia đình người Cơ tu trong làng vẫn được dựng nhà ở gần nhau, bao quanh một khu sân chung, nơi được hỗ trợ dựng một ngôi nhà *gwol* (nhà cộng đồng) vào năm 2008. Đây là một phương án quy hoạch khu cư dân không chỉ phù hợp với hình thức cư trú tập trung ở các khu đô thị, nơi những ngôi nhà nằm kề tiếp nhau quay mặt ra đường, tạo thành các dãy phố, mà còn phù hợp một cách tương đối với truyền thống cư trú của người Cơ tu: Các ngôi nhà nằm kề nhau, bao quanh một khu sân chung.

Từ những năm 2004-2005 đến nay, do diện tích đất không được mở rộng (chỉ đủ để dựng 45 ngôi nhà, trong đó có 3 ngôi nhà của 3 gia đình người Kinh), trong khi cư dân của thôn ngày một tăng (tăng dân số cơ học và tăng dân số tự nhiên), khu cư trú của làng trở nên quá chật chội. Đặc biệt, do số nam nữ thành niên trong làng đến tuổi dựng vợ, gả chồng ngày càng tăng, nên ngay từ năm 2010, chính quyền huyện, xã đã đầu tư kinh phí, san ủi tạo dựng mặt bằng để dựng nhà và làm ruộng nước cho cư dân thôn Agrông ở 3 địa điểm: Phía sau bến xe và chợ trung tâm (cách làng chừng hơn 1km, diện tích san ủi là 5ha, dành để dựng nhà ở); trong Ta Lê (cách làng chừng 5km, đã san ủi đủ đất ở và diện tích ruộng nước cho khoảng 30 hộ gia đình) và trong Ra Bướp (cách làng chừng 3km, đã được san ủi cả đất ở và đất trồng lúa nước). Tuy vậy, đến thời điểm tháng 8/2012, chỉ có 13 hộ người Cơ tu làng Agrông vào sống trong Ta Lê, một vài hộ dựng nhà ở trong khu đất phía sau chợ và bến xe; 2-3 gia đình vào cư trú trong khu đất mới san ủi tại Ra Bướp.

Cũng trong thời điểm đó, lãnh đạo Huyện ủy và UBND huyện Tây Giang đã có chính sách ưu tiên phân đất ở cho các gia đình người Cơ tu, khi một trong 2 vợ chồng công tác tại một trong các cơ quan đầu não của huyện (Với các cặp vợ chồng người Kinh chỉ được phân đất khi cả 2 vợ chồng đều là cán bộ, công chức, viên chức nhà nước; trường hợp chỉ có vợ hoặc chồng là cán bộ nhà nước nếu muốn có đất ở tại điểm trung tâm hành chính huyện thì phải bỏ tiền mua ½ suất đất với giá 30 triệu đồng/suất). Tuy vậy, số lượng người Cơ tu là công chức, viên chức trong bộ máy hành chính/chính quyền

huyện không nhiều, đặc biệt, số gia đình có cả vợ và chồng là công chức, viên chức nhà nước càng ít, nên đến thời điểm hiện tại, cũng chỉ có một vài gia đình người Cơ tu gốc Agrông có đất ở trong khu vực trung tâm huyện (phía ngoài làng), như gia đình Riáh Trao, Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm huyện; gia đình Blúp Ben, chồng là người Cơ tu thôn Agrông, đang làm hợp đồng tại Trung tâm Phát triển quỹ đất thuộc UBND huyện; vợ là người Cơ tu, quê gốc xã Ballê, là nhân viên Phòng Lao động, Thương binh & Xã hội huyện...

Vì số lượng hộ gia đình (và cư dân) thôn Agrông ngày một tăng; số hộ vào sinh sống trong Ta Lê tăng không đáng kể (do đất ruộng nước không đảm bảo), khoảng năm 2016 có 17 hộ cư dân vào cư trú tại đây (tăng được 4 hộ so với năm 2012); điểm cư trú tại Ra Bướp đã hết chỗ, với gần 100 hộ gia đình (do cư dân từ nơi khác di cư tới, nhưng vẫn chỉ có 3 hộ người Agrông) và cư dân toàn bộ khu vực Trung tâm hành chính huyện về cơ bản vẫn được coi là một thôn Agrông thống nhất (khu vực làng Agrông được gọi là thôn gốc); khu vực san ủi gần bên xe và chợ đã được chuyển sang mục đích khác, nên năm 2017 lãnh đạo huyện Tây Giang, xã Atiêng đã quyết định cấp cho cư dân Agrông gốc 31 xuất đất thổ cư nằm trong khu vực nội thị, gần khu làng cô, ở góc Tây - Nam khu Trung tâm hành chính huyện, gần trường THPT huyện, cách khu cư trú của làng gốc chừng 500m. Theo quy định, các gia đình thôn Agrông gốc có trên 2 hộ được phép đăng ký (năm 2017) tham gia bốc thăm chọn 31 hộ chuyển đến cư trú ở khu vực mới (năm 2018). Nhờ vậy, vào tháng 6/2019, khu vực cư trú của thôn Agrông gốc (chỉ) còn 82 hộ/ 45 ngôi nhà. Gia đình ông Riah Tron trước là nơi sinh sống của 5 hộ, lúc này còn 3 hộ với 11 khẩu (gồm hộ bố mẹ; hộ gia đình con trai, hộ gia đình con gái), do một hộ con trai với con dâu và một hộ con gái và con rể đã chuyển sang khu cư trú mới.

Việc bố trí các ngôi nhà ở của cư dân kế tiếp nhau, bao quanh khoảng sân chung, chính giữa là ngôi nhà cộng đồng (*guol*), kiểu làng hình bầu dục hay vành khuyên, là cách bố trí làng truyền thống của người Cơ tu và nhiều tộc người khác trên Trường Sơn - Tây Nguyên (Hùng, 1994, 2006). Song, do tác động của quá trình xây dựng và phát triển điểm trung tâm hành chính huyện, làng/ bản, người Cơ tu ở Agrông đã và đang chịu áp lực rất lớn về dân số, số hộ gia đình sinh sống trong một ngôi nhà. Nếu không có giải pháp đúng đắn, kịp thời, chắc chắn trong thời gian không xa, thôn Agrông không thể giữ được cách bố trí làng theo kiểu truyền thống này. Đây cũng là tình trạng chung của các làng/bản của người Cơ tu ở các huyện Tây Giang, Đông Giang và Nam Giang (tỉnh Quảng Nam) và các địa phương thuộc tỉnh Thừa Thiên - Huế hiện nay (Hùng, 2006). Tuy nhiên, với các làng khác, do diện tích đất thổ cư xung quanh khoảng sân chung không bị hạn chế, cố định (như Agrông) nên khi số

hộ tăng, người dân có thể dựng thêm nhà phía ngoài vòng bầu dục hay vành khuyên ban đầu, tạo thành các vành khuyên/ bầu dục kế tiếp mở rộng ra. Như vậy khoảng sân chung có thể rộng - hẹp khác nhau tùy từng bản/làng, nhưng về cơ bản vẫn được duy trì. Với Agrông, do xung quanh là các đường phố đã được định sẵn (đổ bê tông hoặc nhựa), người dân không thể dựng thêm nhà ra phía ngoài dãy nhà hiện tại. Do vậy, vào thời điểm tháng 6/2019, một phần sân chung của làng về phía Nam và phía Tây đã bị lấn chiếm làm vườn trồng rau, trồng cây ăn quả và dựng chuồng chăn nuôi gia súc, gia cầm. Rất có thể khoảng sân chung này (và khoảng sân chung còn lại) sẽ trở thành nơi người dân dựng nhà ở và truyền thống duy trì sân chung của cư dân nơi đây sẽ biến mất. Chính quyền xã, thậm chí UBND huyện, cần có chính sách cụ thể, quyết liệt trong việc di chuyển các hộ gia đình người Cơ tu mới xây dựng, từ thôn Agrông gốc tới các điểm định cư mới, tương tự việc cấp đất thổ cư cho 31 hộ gia đình vừa qua, nhằm giảm bớt áp lực về hộ gia đình và dân số cho bản/làng, tạo điều kiện duy trì làng truyền thống. Đây là việc làm cần thiết nhằm bảo tồn và phát huy một trong những yếu tố văn hóa truyền thống tốt đẹp của người Cơ tu, trong thời điểm hiện nay.

4.3. Một số vấn đề liên quan đến việc xây dựng nhà ở

Làm và sinh sống trong các ngôi nhà sàn với 2 chái uốn cong hình mái rùa, thậm chí là nhà sàn dài dành cho các đại gia đình, là truyền thống lâu đời của người Cơ tu ở Việt Nam (Hùng, 2006; Lợi, 2013). Truyền thống văn hóa này hiện nay đã và đang suy giảm. Người Cơ tu ở Agrông cho biết, khoảng năm 2004-2005 trong làng chỉ có 2 ngôi nhà sàn kiểu này (của gia đình ông Riah Lia và ông Hôi Lưu). Khoảng những năm 2011-2012, số nhà sàn trong thôn đã tăng lên thành 6 ngôi. Nghĩa là có 4 gia đình mới dựng thêm nhà sàn, nhưng đều là những ngôi nhà sàn mái tôn, chái hình thang, không phải kiểu nhà sàn truyền thống. Đó là nhà của các gia đình bà Manuich Thị Nhu, các ông Bling Kriêu, Abiêng Riêm và Alăng Nhon. Ngoài ra, trong thôn khi đó còn có 2 ngôi nhà gỗ 2 tầng, một dạng nhà kiểu mới, của gia đình bà Bling Thị Đê và ông Blúp Ngôn. Ngôi nhà của gia đình bà Alăng Thị Oh cũng là nhà gỗ 2 tầng, nhưng xây tường gạch bao quanh. Tuy nhiên, hiện nay, số nhà sàn ở Agrông lại chỉ còn 2 ngôi nhà cột gỗ, mái tôn, chái hình thang. Ngôi nhà gỗ 2 tầng của gia đình bà Bling Thị Đê đã bị phá bỏ, thay bằng ngôi nhà trệt xây bằng gạch, cát, xi măng, kiểu nhà cấp 4. Trong khu vực Ta Lê, 13/17 gia đình người Cơ tu đang sống trong các ngôi nhà trệt; chỉ có 4 gia đình sống trong nhà sàn gỗ, mái tôn, chái hình thang, được dựng vào những năm 2011-2012. Sự thay đổi về loại hình nhà ở này chịu tác động rất lớn từ quá trình hình thành khu hành chính trung tâm huyện và chính quyền địa phương (Lợi, 2014a).

Không chỉ có sự thay đổi về loại hình (từ nhà

dài sang nhà ngắn; từ nhà sàn xuống nhà đất, từ nhà có nóc mái hình mai rùa sang nhà 2 hoặc 4 mái 2 mái phụ hình thang cân), ngôi nhà của người Cơ tu Agrông còn nhiều biến đổi liên quan đến kết cấu (khung cột, nóc mái, vách), kỹ thuật, vật liệu, thợ và không gian sinh hoạt. Tiêu biểu cho sự thay đổi về kết cấu của ngôi nhà là sự xuất hiện của vì kèo, dù chỉ là các kèo vì kèo đơn giản. Về kỹ thuật đó là việc sử dụng các kỹ thuật liên kết bằng cả mộng luôn, mộng thất và các loại đinh kim loại thay thế cho liên kết truyền thống bằng gỗ nêm và dây buộc. Về vật liệu là việc chuyển từ sử dụng cỏ tranh, lá mây hay lồ ô/ tre đập dập bỏ banh sang các loại vật liệu mới, như tôn và pơximăng (do chính quyền địa phương cấp) để lợp mái; là từ sử dụng gỗ, tre, nứa... sang sử dụng gạch, đá, bê tông... làm khung, sàn và vách nhà; Về công cụ là việc chuyển từ các công cụ thô sơ, đa năng, như dao, rìu, cuốc, liềm,... sang các loại máy móc hiện đại, như máy cưa, máy bào, máy đục... Về thợ, là sự xuất hiện các hiệp thợ người Kinh từ đồng bằng lên nhận làm và dựng nhà cho người dân... Có thể khẳng định một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến sự thay đổi này chính là nguồn tiền đền bù đất mà người dân Agrông nhận được từ việc xây dựng trung tâm hành chính huyện.

Gia đình ông Riah Tron là gia đình nhận được nhiều tiền đền bù đất nhất trong thôn Agrông. Ông cho biết toàn bộ khu vực dựng làng hiện nay trước là đất trồng quế của gia đình ông (khoảng 10.000 m²). Ngoài ra, gia đình ông còn có đất ở một vài chỗ khác (gồm cả đất trồng quế, ruộng trồng lúa và ao thả cá). Với số tiền đền bù đất nhận được, ông dựng nhà mới (nhà trệt - ngôi nhà gia đình ông đang ở hiện nay) ngay sau khi khu vực này được san ủi tạo mặt bằng và chia cho cư dân (năm 2004-2005). Gia đình ông đã chi 220 triệu đồng mua nguyên vật liệu và hơn 20 triệu đồng thuê thợ người Kinh lên dựng nhà. Ngôi nhà trệt của gia đình Riah Rinh, Phó thôn Agrông (khoảng 2011-2012), cũng do một nhóm thợ người Kinh ở phía Bắc vào dựng năm 2008. Toàn bộ tiền mua nguyên vật liệu, thuê thợ làm và dựng nhà đều được lấy ra từ số tiền đền bù đất của gia đình². Gia đình Blúp Ngôn, Bí thư Chi bộ thôn trước kia (2011-2012); Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc xã hiện nay, được đền bù hơn 50 triệu đồng. Gia đình đã vay ngân hàng thêm 40 triệu đồng để mua nguyên vật liệu và thuê thợ người Kinh lên dựng nhà. Gia đình ông là một trong 2 gia đình dựng và ở trong ngôi nhà gỗ 2 tầng trong làng. Gia đình Alăng Ngược, Trưởng thôn (đã chết cuối năm 2012), dù không có tiền đền bù đất, nhưng đã vay ngân hàng 40 triệu đồng mua nguyên vật liệu và thuê thợ người Kinh vào dựng ngôi nhà trệt 3 gian, cột gỗ, mái tôn, nền bê tông,... vẫn được gia đình sử dụng vào thời điểm 6/2019. Dần dần, một số nam

². Phỏng vấn A lằng Thị Thêm, Vợ Phó trưởng thôn Agrông, ngày 1/4/2011.

thanh niên người Cơ tu Agrông tinh ý tự học hoặc theo học các nhóm thợ người Kinh làm nhà ở đây và trở thành “thợ” chuyên nhận làm nhà thuê cho dân làng. Tiêu biểu nhất trong số này là Arát Dương (sinh năm 1977), bắt đầu biết làm và dựng nhà từ khoảng năm 1998-1999. Anh học cách làm nhà từ thợ người Kinh và bắt đầu làm nghề mới bằng việc sửa lại ngôi nhà của gia đình mình sau khi di chuyển tránh con đường Azút - Lãng. Sau đó anh nhận sửa và làm nhà mới cho dân làng. Anh cho biết, anh và nhóm thợ đã nhận và hoàn thành 10 ngôi nhà mới cho dân làng. Cứ hoàn thành một ngôi nhà mới anh lại mua bỏ sung cho mình một chiếc máy (công cụ). Tuy nhiên, do máy Trung Quốc nhanh hỏng nên hiện tại (2012) trong tay anh chỉ còn 6 chiếc, gồm 1 máy chà, 1 máy cưa, 1 máy soi, 2 máy bào và 1 máy mài. Ngoài ra, anh vẫn sử dụng một số cưa, đục và các công cụ thủ công truyền thống. Hồi đầu tiền công làm một ngôi nhà mới mà anh nhận được chỉ chừng 2 - 3 triệu đồng. Năm 2002, giá cả đất đỏ nên anh đã nâng giá lên thành 8 triệu đồng. Theo anh, với những ngôi nhà như thế này nếu thợ người Kinh làm thì tiền công phải 12 triệu đồng. Ngoài làm nhà, Arát Dương còn nhận đóng bàn, ghế, giường, tủ cho bà con (cả tủ búp phê và tủ đựng đồ - tủ đứng). Với bàn, ghế, giường, tủ về cơ bản anh chỉ đóng được loại đơn giản, không đục đẽo hoa văn. Với nhà anh cũng chỉ làm những ngôi nhà nhỏ, các vì kèo đơn giản, có sự hỗ trợ của bu loong, ốc vít và không đục đẽo hoa văn trang trí như thợ người Kinh. Vì vậy, giá làm và dựng nhà của Arát Dương thường thấp hơn giá do các nhóm thợ người Kinh thực hiện.

Những thay đổi mang tính vật chất trên đã dẫn tới thay đổi quan trọng liên quan trực tiếp đến ngôi nhà và những chủ nhân của nó: thay đổi về không gian sinh hoạt gia đình. Sự thay đổi đầu tiên, dễ nhận thấy nhất là bếp (gồm cả bếp chủ và bếp khách) trong ngôi nhà sàn truyền thống đã được đưa ra khỏi ngôi nhà trệt. Bên cạnh nhà vệ sinh đã được chính quyền địa phương xây dựng cho (ở phía ngoài ngôi nhà ở, trong mảnh đất chia cho mỗi gia đình) (Lợi, 2014a), hầu hết các gia đình sống trong những ngôi nhà trệt đều tự dựng cho mình những ngôi nhà nhỏ làm nơi nấu ăn, để các dụng cụ nấu ăn. Ngoài 2 gia đình hiện vẫn ở trong các ngôi nhà sàn với các khuôn bếp được đặt trên sàn nhà, có một số gia đình đã dựng những ngôi nhà sàn nhỏ làm nơi nấu ăn (và ăn uống) của gia đình. Những ngôi nhà sàn - nhà bếp này cũng có nhiều thay đổi cả về vật liệu, kỹ thuật và loại hình: không còn là nhà nhà nóc mái hình mai rùa mà chỉ là nhà 2 mái hoặc 4 mái, 2 mái phụ lợp bằng tôn tấm. Tuy nhiên, sự thay đổi về không gian sinh hoạt gia đình quan trọng nhất ở đây là việc chuyển từ một không gian sinh hoạt chung trên toàn bộ sàn nhà sang cách bố trí thành các không gian sinh hoạt riêng - các phòng: Phòng khách (không gian tiếp khách và thờ cúng), phòng để đồ và phòng ngủ,... ở các ngôi nhà trệt.

Đặc biệt, người dân nơi đây đã bố trí nhà thành các phòng ngủ riêng cho bố mẹ, ông bà, các con/ cháu và khách. Đây là một trong những biểu hiện (và là biểu hiện quan trọng) của văn hóa/ văn minh đô thị, kết quả của quá trình đô thị hóa, đã và đang được khẳng định ở thôn Agrông.

Rõ ràng, những biến đổi trong ngôi nhà hay văn hóa ở của người Cơ tu ở Agrông trong 15 năm qua rất nhiều và nhanh. Những thay đổi này đã ít nhiều làm biến dạng văn hóa truyền thống của tộc người Cơ tu ở Việt Nam. Tuy nhiên, đó là những biến đổi phù hợp với xu hướng phát triển của thời đại, với biến đổi của điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội trong khu vực, không thể đảo ngược và cần được chấp nhận. Đó là các thay đổi về loại hình nhà, từ nhà sàn xuống nhà đất, từ nhà sàn hình mai rùa (lợp tranh) sang nhà sàn 4 mái, chái hình thang, lợp tôn; là những thay đổi về kết cấu kỹ thuật; những thay đổi về nguyên liệu, thợ,... Đó còn là sự xuất hiện của các kiến trúc phụ trợ (nhà bếp, nhà vệ sinh) và việc bố trí không gian sinh hoạt gia đình thành những không gian riêng cho các mục đích khác nhau; thành nhiều phòng ngủ riêng biệt dành cho các thành viên trong gia đình và khách. Có lẽ truyền thống dựng nhà của người Cơ tu, từ loại hình nhà sàn hình nóc mái hình mai rùa, kết cấu khung cột, kỹ thuật liên kết với kèo và dây buộc, nguyên liệu thực vật chỉ nên và cần được duy trì trong ngôi nhà cộng đồng của các làng/ bản, trong đó có cả làng/ bản Agrông. Chính quyền địa phương cần có chính sách hỗ trợ về kinh phí, hỗ trợ trong khai thác vật liệu, làm và dựng nhà... giúp người Cơ tu thôn Agrông nói riêng, người Cơ tu ở Việt Nam nói chung, duy trì ngôi nhà cộng đồng (nhà *grol*) trong thời điểm hiện tại và tương lai.

5. Kết luận

Là cộng đồng cư dân thuộc một tộc người thiểu số có số cư dân không lớn, cư trú ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới Việt-Lào, khu vực vừa chịu tác động của quá trình tái định cư (dành đất xây dựng khu trung tâm hành chính huyện) vừa chịu tác động của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa và hội nhập (quốc tế, quốc gia, vùng - khu vực) liên quan đến quá trình hình thành và phát triển khu

trung tâm hành chính huyện, liên tục trong thời gian từ 2005 đến nay (2019), văn hóa của người Cơ tu làng Agrông (xã A tiêng, huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam) đã có nhiều biến đổi.

Những biến đổi về cách thức xây dựng làng/ bản là tất yếu, phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của khu vực và thời đại, không thể đảo ngược, đã và đang diễn ra ở các vùng cư trú của người Cơ tu ở Quảng Nam và Thừa Thiên Huế. Làng/ bản hình bầu dục với các ngôi nhà kế tiếp nhau bao quanh khoảng sân chung với ngôi nhà cộng đồng nằm giữa vẫn đang được duy trì ở thôn Agrông là kết quả của sự đầu tư, sự cố gắng rất lớn của chính quyền địa phương và cư dân. Tuy nhiên, dưới áp lực gia tăng dân số; sự tăng nhanh số lượng hộ gia đình (các cặp vợ chồng mới cưới), muốn duy trì thành tố văn hóa truyền thống này, chính quyền địa phương cần có những giải pháp cụ thể, hợp lý di chuyển bớt các hộ gia đình từ Agrông đến các điểm cư trú khác. Nếu không làm như vậy, trong thời gian sắp tới, cách thức xây dựng làng/ bản truyền thống sẽ bị phá vỡ.

Người Cơ tu làng Agrông lựa chọn nhà trệt thay nhà sàn; nhà sàn chái hình thang, lợp tôn thay thế nhà sàn nóc mái hình mai rùa; lựa chọn các nguyên liệu, công cụ, kết cấu, kỹ thuật mới trong dựng nhà. Đặc biệt, việc xây dựng nhà vệ sinh, đưa khuôn bếp ra khỏi ngôi nhà ở và chia không gian trong nhà thành các phòng/ buồng dành cho các sinh hoạt khác nhau, của các cá nhân là những biến đổi tích cực, phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội; phù hợp với cuộc sống mới, với văn minh đô thị đã và đang hình thành và phát triển ở đây. Chính quyền địa phương chỉ có thể vận động còn người dân lựa chọn làm và ở trong các ngôi nhà truyền thống hay các ngôi nhà kiểu mới là quyền của họ. Tuy vậy, chính quyền địa phương cần có chính sách cụ thể, phù hợp hỗ trợ làng Agrông và các bản/ làng Cơ tu khác duy trì ngôi nhà cộng đồng theo kiểu truyền thống, sử dụng các nguyên liệu, kỹ thuật làm và dựng nhà truyền thống. Đây là việc làm cần thiết góp phần bảo tồn và phát huy những yếu tố văn hóa truyền thống tốt đẹp của người Cơ tu thôn Agrông nói riêng, người Cơ tu ở Việt Nam nói chung, trong xây dựng bản/ làng và nhà ở, trong tương lai./.

Tài liệu tham khảo

An, T. T. M. (2013). *Tổ chức xã hội truyền thống của người Cơ tu huyện Nam Đông tỉnh Thừa Thiên – Huế*. Luận án Tiến sĩ ngành Nhân học văn hóa, Học viện KHXH, đã bảo vệ.
Arhem, K. (2010). *The Katu Village An interpretive Ethnography ở Avuong Katu in Central Vietnam*. Sweden by Intellecta Infolog.

Arhem, & Nikor. (2009). *In the sacred forest landscape, livelihood and spirit beliefs among the Katu of Vietnam*. Sweden by Intellecta Infolog.

Hoàn, P. T. (2019). *Luật tục của người Cơ-tu về sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên ở huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam*. Luận án NCS ngành Nhân học, đã bảo vệ.

- Hoàng, H. V. (2017). *Krung điêng của người Cơ tu ở tỉnh Thừa Thiên – Huế*. Luận án NCS ngành Việt Nam học, đã bảo vệ.
- Hùng, L. (1994). *Buôn làng cổ truyền xứ Thượng*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc.
- Hùng, L. (2006). *Góp phần nghiên cứu văn hóa Cơ-tu*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
- Hùng, L. (2007). *A contribution to Katu ethnography*. Hà Nội: Nxb. Thế giới.
- Lợi, P. V. (2013). Ngôi nhà hình mai rùa: sự giao thoa, tiếp biến văn hóa giữa các tộc người nhóm ngôn ngữ Môn – Khơme và Tày – Thái. *Tạp chí Khoa học Xã hội Tây Nguyên*, (Số 2), 25–35.
- Lợi, P. V. (2014a). Một số biến đổi về văn hóa – xã hội của người Cơ tu ở thôn Agrông dưới tác động của của sự hình thành và phát triển khu trung tâm hành chính huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam. *Tạp chí Dân tộc học*, (Số 1+2), 65–74.
- Lợi, P. V. (2014b). *Nghiên cứu những biến đổi điều kiện sống, đề xuất giải pháp ổn định cuộc sống, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội các cộng đồng cư dân khu vực tái định cư thủy điện Sơn La, tỉnh Sơn La*. Báo cáo tổng kết đề tài khoa học & công nghệ cấp tỉnh (mã số KX-09-2013), đã được nghiệm thu. Sơn La.
- Quyên, H. T. T. (2015). *Biến đổi về tổ chức xã hội ở các làng nghề sơn ngoại thành Hà Nội (qua nghiên cứu tại Hạ Thái, Bình Vọng và Sơn Đông)*. Luận án Tiến sĩ Nhân học Văn hóa.
- Thông, N. H. (chủ biên, 2004). *Ka tu – Kẻ sống đầu ngọn nước*. Huế: Nxb. Thuận Hóa.
- Tuấn, B. V. (2017). *Biến đổi xã hội vùng ven đô Hà Nội trong bối cảnh đô thị hóa*. Luận án Tiến sĩ Việt Nam học, bảo vệ và lưu tại Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Tụng, N. K. (1996). *Nhà ở cổ truyền các dân tộc Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Xây Dựng.

PRESERVING AND PROMOTING THE CULTURAL VALUES OF THE CO TU PEOPLE IN THE CONSTRUCTION OF HAMLET/VILLAGES AND HOUSE (AGRONG HAMLET, ATIENG COMMUNE, TAY GIANG DISTRICT, QUANG NAM PROVINCE)

Pham Van Loi

Institute of Vietnamese Studies and
Development Sciences
Email: ploivme@gmail.com

Received: 25/8/2019

Reviewed: 30/8/2019

Revised: 10/9/2019

Accepted: 25/9/2019

Released: 30/9/2019

DOI:

<https://doi.org/10.25073/0866-773X/336>

Abstract

Nowaday, when the trend of industrialization - modernization, urbanization and integration becomes more and more extensive, the risk of traditional cultural elements is changed and gradually lost its value exist in many resident communities, ethnic groups. This is not only found in the resident communities, ethnic groups residing along big cities, large commercial and industrial centers in the plains, but also in the resident communities, ethnic groups living next to the towns, population centers, district administration..., in border areas, remote areas. This paper focuses on clarifying some of the issues raised during the cultural transformation of the Co Tu community in Agrong village, Atieng commune, Tay Giang district, Quang Nam province, in the construction of villages/hamlets and houses, under the impact of the process of forming and developing district administrative centers, from 2005 to the present (2019), at the same time, proposing some solutions to preserve and promote the traditional cultural values of them in the future.

Keywords

Conservation; Promotion; Cultural values; Co Tu ethnic group; Village/Hamlet; House.